

BỘ TƯ PHÁP - TRUNG ƯƠNG HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

**BỘ TƯ PHÁP - TRUNG ƯƠNG
HỘI CỰU CHIẾN BINH
VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Số: 02/2008/TTLT-BTP-
TWHCCBVN**

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2008

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**hướng dẫn phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền,
phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với Cựu chiến binh**

*Căn cứ khoản 5 Điều 11 Pháp lệnh
cựu chiến binh ngày 07 tháng 10 năm
2005;*

*Căn cứ khoản 4 Điều 8, khoản 5 Điều
12 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày
12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều Pháp lệnh cựu chiến binh;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2003/NĐ-CP
ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Tư pháp;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2007/NĐ-CP
ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật trợ giúp
pháp lý;*

*Căn cứ Nghị định số 161/2005/NĐ-CP
ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật ban hành văn
bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Bộ Tư pháp, Trung ương Hội Cựu
chiến binh Việt Nam hướng dẫn việc
phối hợp xây dựng văn bản quy phạm
pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo
dục pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với
Cựu chiến binh, như sau:*

I. XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

**1. Trách nhiệm của Hội Cựu chiến
binh các cấp**

a) Định kỳ vào quý I hàng năm, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam nghiên cứu đề xuất Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét đưa vào chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của nhiệm kỳ các văn bản quy phạm pháp luật về Cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề xuất Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét đưa vào chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của địa phương các văn bản liên quan đến Cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

c) Căn cứ vào chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhiệm vụ được giao, Hội Cựu chiến binh các cấp có trách nhiệm tổ chức soạn thảo văn bản và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

d) Đối với văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam nhưng không

do Hội Cựu chiến binh các cấp chủ trì soạn thảo, Hội Cựu chiến binh các cấp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan hữu quan tham gia soạn thảo, cung cấp tài liệu, tạo điều kiện để cơ quan chủ trì soạn thảo khảo sát, nắm tình hình hoạt động của Cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh phục vụ việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đó;

đ) Đối với văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan khác chủ trì soạn thảo gửi đến lấy ý kiến Hội Cựu chiến binh, các cấp Hội có trách nhiệm chỉ đạo nghiên cứu tham gia, góp ý kiến bảo đảm chất lượng, thời gian theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

e) Hàng năm tiến hành rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam để kịp thời kiến nghị, đề xuất với Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung.

2. Trách nhiệm của cơ quan tư pháp các cấp

a) Trên cơ sở kế hoạch, chương trình hàng năm, Bộ Tư pháp phối hợp với Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam chủ trì; chịu trách

nhiệm thẩm định, góp ý, tham gia chỉnh lý nội dung, kỹ thuật văn bản, góp ý kiến với Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Đối với các văn bản quy phạm pháp luật do Hội Cựu chiến binh các địa phương chủ trì soạn thảo, cơ quan tư pháp cùng cấp phối hợp, hướng dẫn việc soạn thảo, góp ý, thẩm định theo quy định của pháp luật và tham gia chỉnh lý văn bản trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Định kỳ theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt hoặc trên cơ sở yêu cầu của Hội Cựu chiến binh và điều kiện, khả năng cho phép, cơ quan tư pháp phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp có tổ chức tập huấn nghiệp vụ soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật cho cán bộ các cấp hội Cựu chiến binh.

II. TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Trách nhiệm của Hội Cựu chiến binh các cấp

a) Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam

- Căn cứ vào chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh

Việt Nam, xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với Cựu chiến binh, Cựu quân nhân;

- Chỉ đạo các cấp hội phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với Cựu chiến binh, Cựu quân nhân;

- Chỉ đạo các cấp Hội Cựu chiến binh sơ kết, tổng kết về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Hội Cựu chiến binh địa phương

- Trên cơ sở chương trình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và của địa phương, xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đối với Cựu chiến binh, Cựu quân nhân;

- Phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp thực hiện chương trình, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đối với Cựu chiến binh, Cựu quân nhân và nhân dân, bảo đảm nội dung, thời gian theo quy định.

c) Hội Cựu chiến binh cấp trên có trách nhiệm chỉ đạo và hướng dẫn Hội Cựu chiến binh cấp dưới thực hiện việc tuyên truyền, vận động Cựu chiến binh, Cựu quân nhân gương mẫu chấp hành

và vận động nhân dân địa phương chấp hành pháp luật.

Hàng năm, các cấp Hội Cựu chiến binh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết về công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ở cấp mình và báo cáo Hội Cựu chiến binh cấp trên.

2. Trách nhiệm của cơ quan tư pháp các cấp

a) Bộ Tư pháp

- Phối hợp với Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam xây dựng chương trình, kế hoạch công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với Cựu chiến binh, Cựu quân nhân;

- Trên cơ sở yêu cầu của Trung ương Hội Cựu chiến binh và khả năng cho phép, Bộ Tư pháp hỗ trợ tài liệu, báo cáo viên pháp luật phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho Cựu chiến binh, Cựu quân nhân;

- Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức pháp chế các bộ, ngành phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với Cựu chiến binh trong cơ quan, đơn vị;

- Chỉ đạo cơ quan tư pháp các cấp phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp tiến hành kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm về việc phối

hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Cơ quan tư pháp ở địa phương

- Phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với Cựu chiến binh, Cựu quân nhân;

- Phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp sơ kết, tổng kết về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với Cựu chiến binh, Cựu quân nhân.

III. TRỢ GIÚP PHÁP LÝ ĐỐI VỚI CỰU CHIẾN BINH

1. Cựu chiến binh được hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý bao gồm:

- Cựu chiến binh thuộc chuẩn nghèo theo quy định của pháp luật;

- Cựu chiến binh hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945;

- Cựu chiến binh là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động;

- Cựu chiến binh là thương binh;

- Cựu chiến binh là bệnh binh;

- Cựu chiến binh bị nhiễm chất độc hóa học;